

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Khắc Thái.
2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.**

Địa chỉ: Công ty TNHH một thành viên 19/5 chi nhánh Phương Nam, Bộ công an - Số 125 Kha Vạn Cân, phường L, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn: Anh Bùi Đức Th, sinh năm 1989.**

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt; anh Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai tại Tòa án nhân dân huyện N nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 24/6/2010, Chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với Anh Bùi Đức Th tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Huệ, anh Thsinh sống tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng chị Huệ, anh Thsống hạnh

phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị Huệ, anh Thlà do anh Ththường xuyên chơi bời, nghiện ngập, không tu chí làm ăn, không chăm sóc con cái và vun vén cho hạnh phúc gia đình. Đến năm 2020, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Huệ, anh Thđã sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Hiện anh Thđã chuyển về sinh sống tại Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Nay Chị Hnhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Đức Th.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H, Anh Bùi Đức Th có 01 con chung là cháu Bùi Đức Long, sinh ngày 13/11/2011. Hiện cháu Long đang ở với chị Huệ. Nếu ly hôn Chị Hcó nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức Long cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được cuộc sống. Chị Hkhông yêu cầu anh Thphải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Huệ.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu Bùi Đức Long: Tại Bản tự khai ngày 16/02/2023, cháu Long có nguyện vọng được ở với mẹ vì mẹ lo lắng, quan tâm, chăm sóc cháu và cho cháu được ăn học đầy đủ.

Đối với bị đơn Anh Bùi Đức Th: Mặc dù biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án về việc Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh, nhưng anh Thvẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại Bút lục số 12 có trong hồ sơ do Chị Hcung cấp có thể hiện Thông tin cư trú của anh Thành, hiện anh Thvẫn đang sinh sống tại Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại đơn xin xử vắng mặt, Chị Hvẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Thvà giải quyết về con chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Bùi Đức Th.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao cháu Bùi Đức Long, sinh ngày 13/11/2011, cho Chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Huệ.

3. *Về án phí ly hôn:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn hiện cư trú tại Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của Anh Bùi Đức Th: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Th theo quy tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt trực tiếp cho anh Th hoặc niêm yết theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Th của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt không có lý do, Chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H, Anh Bùi Đức Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 24/6/2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Huệ, anh Th sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị Huệ, anh Th là do anh Th thường xuyên chơi bời, nghiện ngập, không tu chí làm ăn, không chăm sóc con cái và vun vén cho hạnh phúc gia đình. Đến năm 2020, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Huệ, anh Th đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xử vắng mặt Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Th không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Chị H và không đến làm việc theo Giấy triệu tập, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án, chứng tỏ anh Th không có thiện trí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Huệ, anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị H là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H, Anh Bùi Đức Th có 01 con chung là cháu Bùi Đức Long, sinh ngày 13/11/2011. Hiện cháu Long đang ở với chị Huệ. Chị H có nguyện vọng xin tiếp tục nuôi cháu Long. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay Chị H khỏe mạnh, có công việc ổn định, đảm bảo chăm lo cho cuộc sống của cháu Long. Mặt khác, cháu Bùi Đức Long có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với chị Huệ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu Long nên tiếp tục giao cháu Bùi Đức Long cho Chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Huệ.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H. Xử lý hôn giữa Chị Nguyễn Thị H và Anh Bùi Đức Th.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức Long, sinh ngày 13/11/2011, hiện đang ở với Chị Hcho Chị Htiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh Bùi Đức Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Nguyễn Thị H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003764 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và Anh Bùi Đức Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH

